

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/03/2022

V/v T/c Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Ông Trần Ngọc Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28/03/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2021/TLST- HNGĐ ngày 23/03/2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS ngày 26/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc G. Sinh năm 1985.

Địa chỉ: xóm Trại Mát, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, Sinh năm 1984.

Địa chỉ: xóm Trại Mát, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Hiện nay đang ở Malaysia. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, anh Nguyễn Ngọc G trình bày: Anh G và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 11/10/2006. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Giang, sinh ngày 07/6/2007 và cháu Nguyễn Thị Thu Hà, sinh ngày 10/10/2009. Đến tháng 10/2014, chị H đi xuất khẩu lao động tại Maliaxia. Từ thời điểm đó đến

nay, vợ chồng ít liên lạc với nhau và từ năm 2016 thì vợ chồng chấm dứt liên lạc. Chị H cũng không liên lạc gì về hỏi thăm con cái. Địa chỉ của chị H hiện ở nước ngoài anh cũng không biết cụ thể. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh G làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Vợ chồng có hai con chung, hiện đang ở với anh G, nếu ly hôn anh G có nguyện vọng được nuôi hai con cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung. Các cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Về tài sản, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Ngọc G đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án, toàn bộ ý kiến giữ nguyên như trong đơn khởi kiện, bản tự khai anh G đã gửi cho Tòa án.

Về phía chị Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu chị Nguyễn Thị H có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án...cho chị H thông qua ông Nguyễn Văn T là bố của chị H; thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, nhưng hiện tại chị H vắng mặt không có lý do. Theo trình bày của ông Nguyễn Văn T thì chị H hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, ông đã gọi điện thông báo cho chị H về việc anh G làm đơn ly hôn, chị H có ý kiến, hiện nay do tình hình dịch Covid không về được và lúc nào về mới giải quyết ly hôn. Ông T đề nghị chờ lúc nào chị H về thì Tòa án mới đưa vụ án ra xét xử. Các vấn đề ly hôn, tranh chấp nuôi con, tài sản giữa hai vợ chồng chị H, anh G, ông T không có ý kiến. Ông Nguyễn Văn T cung cấp cho Tòa án địa chỉ của chị H ở nước ngoài tại Malaysia: DYNACAST (MELAKA) SDN BHD LOT 154 JALAN INDUSTRI 8 KAWASAN PERINDUSTRIAN ALOR GAJAH MELAKA (MALAYSIA). Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thông báo về việc thụ lý vụ án trên Công thông tin điện tử Tòa án; thực hiện ủy thác tư pháp qua cơ quan ngoài giao nhưng không nhận được kết quả, cũng như không nhận được ý kiến và các tài liệu do chị H cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc G, cho anh G được ly hôn với chị Nguyễn Thị H; giao các

con chung của vợ chồng cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; dành quyền khởi kiện về cấp dưỡng, về tài sản cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị Nguyễn Thị H có địa chỉ trước khi đi nước ngoài tại xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An, chị H hiện đang sinh sống và làm việc tại Malaysia. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H hiện đang sinh sống và làm việc tại Malaysia. Tòa án đã gửi văn bản cho ông Nguyễn Văn T, bố đẻ chị H, đề nghị ông T thông báo cho chị H biết về yêu cầu khởi kiện của anh G. Ông T đã liên lạc với chị H và đã thông báo cho chị H biết về yêu cầu ly hôn của anh G. Căn cứ địa chỉ của chị H do ông T cung cấp, Tòa án đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp cho chị H nhưng không nhận được kết quả. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng: thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập phiên tòa, tại nơi cư trú của chị H trước khi đi nước ngoài; thông báo về việc thụ lý, giải quyết vụ án trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân. Theo xác nhận của địa phương thì chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu tại xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An, đã đi nước ngoài, hiện không sinh sống tại địa phương. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đối với chị H, nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Ngọc G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228, Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc G và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2006. Từ năm 2014, chị H đi xuất khẩu lao động tại Malaysia và từ năm 2018 đến nay thì chưa về nước. Tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng hiện nay không còn liên lạc với nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh G và chị H không

còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc G. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Nguyễn Ngọc G được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

[3.2] Về con chung: Anh G và chị Nguyễn Thị H có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Giang, sinh ngày 07/6/2007 và cháu Nguyễn Thị Thu Hà, sinh ngày 10/10/2009, hai cháu hiện đang ở với anh G. Anh G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con; chị H hiện đang ở nước ngoài và không có ý kiến gì. Vì vậy, cần giao các cháu cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

Về cấp dưỡng: Hiện nay anh G chưa yêu cầu và chị H chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ: Anh Nguyễn Ngọc G không yêu cầu giải quyết, chị Nguyễn Thị H cũng chưa có ý kiến, vì vậy Tòa án không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định.

Về chi phí tố tụng, Ủy thác tư pháp, anh Nguyễn Ngọc G chấp nhận chịu không yêu cầu xem xét.

[5] Về án phí và lệ phí tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 469, Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc G.

[1]. Quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Ngọc G và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

[2]. Nuôi con chung:

[2.1]. Giao con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Giang, sinh ngày 07/6/2007 và cháu Nguyễn Thị Thu Hà, sinh ngày 10/10/2009 cho anh Nguyễn Ngọc G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.2]. Cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự chưa có ý kiến nên Tòa án không xem xét. Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[3] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Nguyễn Ngọc G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) lệ phí Ủy thác tư pháp, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003960, ngày 22/3/2021 và số 0004862 ngày 15/6/2021.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Anh Nguyễn Ngọc G vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã K, Thành, huyện Y, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thành Trần Ngọc Đăng

Trần Quốc Cường